

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 12/2025/HC-ST

Ngày 16 tháng 6 năm 2025

V/v khởi kiện Quyết định hành chính về
khắc phục hậu quả

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng và ông Bùi Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 19/2024/TLST-HC ngày 13 tháng 11 năm 2024 về “Khởi kiện Quyết định hành chính về khắc phục hậu quả”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2025/QĐXXST-HC ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HC ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Sỹ H, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số nhà E đường L, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.
(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1995; Địa chỉ: Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh N. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Ông Trần Văn D - Công ty TNHH D2; Địa chỉ: Biệt thự E, khu A, đô thị N (A N), phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Gia D1 - Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình. *(vắng mặt)*.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình. *(vắng mặt)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Đình T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình. *(vắng mặt)*.

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Gia D1 - Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình. *(vắng mặt)*.

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T1 - Phó Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Thái Bình. *(vắng mặt có đơn xin vắng mặt)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Chu Đức C, sinh năm 1975 - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. *(vắng mặt có đơn xin vắng mặt)*.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc T2 - Chủ tịch UBND tỉnh T. *(vắng mặt)*.

Người được ủy quyền: Ông Lại Văn H1 - Phó Chủ tịch Chủ tịch UBND tỉnh T. *(vắng mặt)*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Bùi Hữu H2 - Chuyên viên Phòng quản lý đất đai, Sở T7. *(vắng mặt có đơn xin vắng mặt)*.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1958; Anh Vũ Sỹ Duy L, sinh năm 1992; Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1996. *(vắng mặt)*.

Đều có địa chỉ: Số nhà E đường L, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. *(vắng mặt)*.

3.4. Ông Đỗ Văn T4, sinh năm 1956 và bà Đỗ Thị T5; Đều ở địa chỉ: Số nhà E N, tổ A, phường T, thành phố T. *(vắng mặt có đơn xin vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện— Ông Vũ Sỹ H trình bày:**

Ông H là chủ sử dụng thửa đất số 2 tờ bản đồ 5 diện tích 357m² địa chỉ tại Tổ B phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD789933 ngày 09/01/2006, ông H sử dụng ổn định, lâu dài không

tranh chấp với ai. Ngày 03/4/2007 UBND thành phố ban hành quyết định số 87 thu hồi 357m² đất của gia đình ông để thực hiện dự án đường L kéo dài. Sau đó ngày 09/11/2009 UBND thành phố ban hành quyết định số 2627 về việc điều chỉnh diện tích đất thu hồi, chỉ thu hồi 301,5m² đất; đất gia đình ông còn lại 55,5m² (đã được điều chỉnh biến động trong GCNQSDĐ); gia đình ông đã được bồi thường đủ đối với 301,5m².

Năm 2011 sau khi làm đường vỉa hè Lê Quý Đ1, lúc đầu thiết kế 5m sau điều chỉnh 4,5m nên diện tích đất là 64m², được thể hiện tại thửa đất 129 tờ bản đồ 42 loại đất ODT. Ông đã yêu cầu UBND thành phố giao trả bổ sung đất do điều chỉnh quy hoạch không thu hồi đến nhưng UBND thành phố không có văn bản giao trả nào mà chỉ thể hiện thu thuế sử dụng đất 64m². Ngày 12/03/2011 ông có đơn đề nghị xây dựng nhà ở trên diện tích đất 64m² và được UBND phường T xác nhận cho phép xây dựng nhà ở. Diện tích đất thực địa ông đang sử dụng là 64m².

Năm 2013 công ty X xuống khảo sát thực địa để làm đường, do có nhiều khúc cua nhọn không qua được nên đã đề nghị UBND điều chỉnh lại quy hoạch thành đường 3m. Diện tích đất theo bản đồ Vlap là $79,8 - 64\text{m}^2 = 15,8\text{m}^2$ là diện tích đất cũ của gia đình ông sau khi điều chỉnh quy hoạch đường và vỉa hè Lê Quý Đ1 không thu hồi đến nhưng UBND không giao trả lại cho gia đình ông.

Theo quy hoạch chi tiết thửa đất chéo méo để hợp thửa sau dự án làm đường L thì thửa đất 129 này của gia đình ông là thửa đất liền kề, có một cạnh tiếp giáp với thửa đất 130 của bà Trương Thị Tuệ. Tổng diện tích đất chéo méo sau quy hoạch là 35,6m². Năm 2011 ông có làm đơn đề nghị được mua 16,5m² đất cũ thu hồi nhưng không sử dụng của nhà mình nhưng bị UBND từ chối với lý do không phù hợp với quy hoạch và mỹ quan đô thị (văn bản trả lời số 1034 ngày 27/07/2017 của UBND thành phố). Diện tích đất chéo méo 35,6m² đất này năm 2016 được UBND thành phố bán cho ông Đỗ Văn T4 và bà Đỗ Thị Tuyết. Ông H xác định phần đất 16,4m² đất này là của gia đình ông H đang ở, sử dụng ổn định từ năm 2011; gia đình đóng thuế đất thổ cư đối với diện tích 64m² (trong đó có 16,4m²) cho Nhà nước từ năm 2011 đến nay, được UBND phường T xác nhận; gia đình có làm đơn đề nghị xin phép được xây dựng nhà ở không có ai tranh chấp, không bị chính quyền địa phương xử lý vi phạm, các hộ liền kề qua các thời kỳ đều ký nhận ranh mốc giới không có tranh chấp; diện tích 16,4m² đất này nằm trong tổng 79,8m² đất đã được thể hiện tại kết quả đo đạc Vlap ngày

17/5/2013, phần đất này thuộc sở hữu của gia đình ông. Phần đất này là đất gia đình ông bị thu hồi nhưng Nhà nước không sử dụng đến để xây dựng theo quy hoạch nên nhà ông phải được ưu tiên cấp điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND không giao trả đất không thu hồi cho gia đình ông, đồng thời không đồng ý cho gia đình ông (vừa là hộ bị thu hồi đất vừa là hộ liền kề) mua lại diện tích đất trên mà lại bán cho người khác là hoàn toàn không phù hợp với quy định của pháp luật.

Do vậy ông khởi kiện yêu cầu:

- Hủy Quyết định 1846/QĐ-KPHQ ngày 31/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.
- Hủy quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông H.
- Hủy quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông H.
- Tuyên hủy quyết định giao đất cho ông Đỗ Văn T4 và bà Đỗ Thị T5 đối với diện tích 17,3m². Hủy giấy chứng nhận số DP760540 do UBND thành phố cấp ngày 15/10/2024 cho ông T4 và bà T5 đối với phần diện tích 17,3m²
- Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông với diện tích 79,8m² đất tại thửa số 129 tờ bản đồ số 42, đồng thời kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệu chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD789933 cấp ngày 09/01/2006).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông H ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông H giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện như đã trình bày và không bổ sung, thay đổi gì và cũng không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ gì.

****Ý kiến của Người bị kiện – Chủ tịch UBND tỉnh T thể hiện:***

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T thụ lý giải quyết ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của ông Vũ Sỹ H đối với Quyết định số 1846/QĐ- KPHQ ngày 31/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban thành phố T về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

Sau khi nhận đơn khiếu nại của công dân Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T

đã thụ lý thông báo cho công dân, và giao Sở T7 chủ trì xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định khiếu nại (lần hai). Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai nêu trên đảm bảo theo đúng quy định của Luật khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/ ND- CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại. Nội dung giải quyết khiếu nại giải quyết cụ thể các vấn đề. Do đó việc ông H yêu cầu hủy quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông H là không có cơ sở, cũng như nội dung khiếu nại của ông H là không có căn cứ.

*** Ý kiến của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T thể hiện:** Thực hiện dự án xây dựng đoạn cuối đường L kéo dài thuộc phường T và dự án chỉnh trang đường T, UBND thành phố đã ban hành quyết định số 54 ngày 03/4/2007 thu hồi 129m² đất ở của gia đình bà Trương Thị T6 tại thửa đất số 86 thuộc tờ trích đo địa chính số A do Trung tâm K1 lập ngày 15/3/2007 được Sở TNMT thẩm định. Hộ gia đình bà T6 đã chấp hành quyết định thu hồi đất.

Ngày 29/7/2009 UBND tỉnh có quyết định 1685 điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tuyến đường T đoạn từ ngã tư Đ đến ngã tư L từ quy hoạch đường rộng 28,5m xuống 20,5m theo đó diện tích đất thu hồi của gia đình bà T6 sau khi điều chỉnh quy hoạch còn lại 35,6m² đất chéo méo không sử dụng làm đường. Để thuận lợi cho công tác quản lý, tạo mỹ quan đô thị, tránh tình trạng người dân xây dựng lấn chiếm, UBND thành phố tham mưu và được sự đồng ý của UBND tỉnh, UBND thành phố đã phê duyệt quy hoạch chi tiết thửa đất chéo méo và giao diện tích 35,6m² đất cho hộ gia đình ông Đỗ Văn T4 là hộ liền kề để hợp thửa. Hộ ông T4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hộ gia đình ông H là hộ liền kề có 1 cạnh giáp với thửa đất 35,6m² đã xây dựng lán tôn trên diện tích đất 16,4m² thuộc thửa đất 35,6m² đất chéo méo đã được quy hoạch giao cho hộ ông T4. UBND thành phố đã nhiều lần có văn bản chỉ đạo UBND phường T tổ chức thu dỡ công trình và yêu cầu trả lại mặt bằng. Ngày 19/4/2017 và 01/8/2017 ông H có đơn đề nghị mua diện tích 16,4m² đất nằm trong 35,6m² đất chéo méo. UBND thành phố có văn bản 1034 trả lời ông H về việc đề nghị của ông H là không phù hợp với các văn bản của UBND tỉnh, không đảm bảo mỹ quan đô thị, kích thước chiều rộng, chiều sâu không đảm bảo quy định tại quyết định 07/2014 ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh.

Gia đình ông H không chấp hành, tiếp tục sử dụng lấn chiếm phần đất 16,4m² đất này nên UBND phường đã nhiều lần động viên, tiến hành xác minh, lập biên bản vi phạm hành chính song ông H không chấp hành; trên cơ sở đề nghị của UBND phường T, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành quyết định số 1846 buộc khắc phục hậu quả đối với ông H do có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, yêu cầu khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích đất 16,4m² đất đã lấn, chiếm. Không đồng ý với quyết định 1846 ngày 31/5/2023, ông H đã có đơn khiếu nại đến chủ tịch UBND thành phố; giải quyết đơn khiếu nại của ông H, UBND thành phố đã thụ lý khiếu nại, thành lập đoàn xác minh giải quyết khiếu nại theo đúng quy định. Xét đề nghị của đoàn xác minh khiếu nại, chủ tịch UBND thành phố ký quyết định 3196/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 giải quyết khiếu nại lần đầu đảm bảo về trình tự, thủ tục và nội dung. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông H.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố T:** Thực hiện dự án xây dựng đoạn cuối đường L kéo dài thuộc phường T UBND thành phố đã ban hành Quyết định số: 54/QĐ-UB (THĐ) ngày 03/4/2007 thu hồi 129,0 m² đất (loại đất ODT) của hộ gia đình bà Trương Thị T6 tại thửa số 86, thuộc Tờ trích đo địa chính số: 16/TĐĐC do Trung tâm K1 lập ngày 15/3/2007 đã được Sở T7 thẩm định ngày 15/3/2007. Hộ gia đình bà Trương Thị T6 đã chấp hành quyết định thu hồi đất, chấp hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và bàn giao diện tích đất thu hồi cho Nhà nước quản lý (tại biên bản bàn giao ngày 02/8/2007). Ngày 29/7/2009, UBND tỉnh có Quyết định số: 1685/QĐ-UBND điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tuyến đường T (đoạn từ ngã tư Đ đến ngã tư L) từ quy hoạch đường rộng 28,5 m xuống 20,5m theo đó diện tích đất đã thu hồi của hộ bà T6 sau khi điều chỉnh quy hoạch còn lại 35,6 m² đất chéo méo không sử dụng làm đường. Để thuận lợi cho công tác quản lý, tạo mỹ quan đô thị, tránh tình trạng các hộ dân lấn chiếm xây dựng trái phép UBND thành phố có Tờ trình đề nghị số: 301/TTr-UBND ngày 30/9/2016 và UBND tỉnh có Văn bản số: 4037/UBND-NNTNMT ngày 21/10/2016 cho phép UBND thành phố thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ đang sử dụng liền kề để hợp thửa sử dụng vào mục đích làm nhà ở. Ngày 28/10/2016, UBND thành phố có Văn bản số 1674/UBND-TNMT giao Trung tâm PTQĐ thành phố phối hợp với các phòng, đơn vị chức năng lập quy hoạch chi tiết thửa đất chéo méo để hợp thửa. Ngày 29/12/2016 UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số

14552/QĐ- UBND về việc giao đất cho ông Đỗ Văn T4 và bà Đỗ Thị T5 để sử dụng vào mục đích làm nhà ở, gia đình ông T4 đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và đã được UBND thành phố cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 264761, phần còn lại diện tích 17,3 m² chưa thực hiện cấp giấy do hộ ông H đang lấn chiếm một phần. Thực hiện nội dung Quyết định số: 2251/QĐ-UBND về việc cưỡng buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả ngày 29/6/2023 của UBND T phố T đối với ông Vũ Sỹ H, tổ A, phường T, Thành phố B. Ngày 21/8/2024, UBND Phường T đã thực hiện việc cưỡng tháo dỡ toàn bộ phần công trình xây dựng trên diện tích 16,4 m² đất lấn chiếm đã thu hồi giải phóng mặt bằng của gia đình ông H để trả lại hiện trạng ban đầu của thửa đất. Căn cứ vào các văn bản tài liệu có trong hồ sơ ngày 15/10/2024 UBND thành phố đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DP 760540 đối với phần còn lại diện tích 17,3m² cho ông T4 bà T5 là đảm bảo quy định. Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

****Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T4 bà T5 thể hiện:*** Gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DP760540 do UBND thành phố cấp ngày 15/10/2024 đối với phần diện tích 17,3m² là hoàn toàn hợp pháp. Nguồn gốc đất là ông bà được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất với số tiền đã nộp là 712.000.000 đồng (có bản sao giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước). Gia đình ông H không liên quan đến thửa đất mang tên ông bà, trước đây ông H xây dựng công trình trái phép trên đất đó UBND thành phố và UBND phường T đã nhiều lần ra thông báo yêu cầu tự tháo dỡ nhưng ông H không chấp hành. Vì vậy ông bà đề nghị bác yêu cầu ông H về việc đề nghị hủy quyết định giao đất cho vợ chồng ông đối với diện tích 17,3m², bác yêu cầu Hủy giấy chứng nhận số DP760540 do UBND thành phố cấp ngày 15/10/2024 cho gia đình ông.

****Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm Bà K, anh L và chị T3:*** nhất trí với yêu cầu của ông H.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H trình bày:*** Các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh T và Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông H. Trình tự thủ tục của Ủy ban thành phố thực hiện tháo dỡ không thông qua quyết định cưỡng chế là vi phạm pháp luật. Nội dung các Quyết định số 1846/QĐ - KPHQ và Quyết định số 3196/QĐ- UBND tỉnh xác định sai nguồn gốc phần diện tích

ông H đang sử dụng, việc thu hồi diện tích đất của bà Trương Thị H3 không căn cứ vào bản đồ thu hồi dự án. Đối với việc giao đất cho ông T4 và bà T5 để sử dụng làm mục đích nhà ở không có căn cứ giao đất, không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất là vi phạm quy định của Luật đất đai. Thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố T giao đất cho ông T4 bà T5 là năm 2016, thời điểm ban hành khắc phục hậu quả là năm 2023 trong khi ông H sử dụng ổn định thửa đất từ năm 2011. Như vậy việc giao đất khi chưa được giải phóng mặt bằng là vi phạm luật đất đai, do đó đề nghị Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu của ông H.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa về giải quyết vụ án:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính từ thủ tục thụ lý vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại; mở phiên tòa và xét xử tại phiên tòa. Người khởi kiện, người bị kiện và những người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính năm 2015 bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Sỹ H.

Người đại diện hợp pháp của ông H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H không bổ sung, tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông H khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 88/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại việc giải quyết tranh chấp về đất đai và Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu), Quyết định số 1846/QĐ-KPHQ ngày 31/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định giao đất số 14552/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 về việc giao đất cho ông T4, bà

T5... đây là quyết định hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đúng quy định tại Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Việc xác định tư cách tố tụng: Ông H khởi kiện Chủ tịch UBND tỉnh T, chủ tịch UBND thành phố T đã ban hành các Quyết định nêu trên và cho rằng Quyết định này là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà; yêu cầu hủy quyết định giao đất cho ông Đỗ Văn T4 và bà Đỗ Thị T5 đối với diện tích 17,3m² và hủy giấy chứng nhận số DP760540 do UBND thành phố cấp ngày 15/10/2024 cho ông T4 và bà T5 đối với phần diện tích 17,3m² nên Tòa án xác định người khởi kiện là ông H; người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh T, chủ tịch UBND thành phố T; Ủy ban nhân dân thành phố T; người liên quan là ông T4, bà T5, bà K, anh L, chị T3 là đúng quy định tại các điều 55, 56, 57 và Điều 58 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa vắng mặt Chủ tịch UBND tỉnh T, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; vắng mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; vắng mặt Ủy ban nhân dân thành phố T, người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T4, bà T5, bà K, anh L và chị T3 nhưng những người này đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ các Điều 157, 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ông H khởi kiện ngày 09/11/2024 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[5] Về nguồn gốc diện tích đất 16,4m² liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông H: Theo quyết định thu hồi số 87/QĐ-UBND ngày 03/4/2007 và các quyết định điều chỉnh thì hộ gia đình ông H đã thu hồi 301,5m², còn lại diện tích đất 55,5m² đã được hiệu chỉnh tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 789933 ngày 09/01/2006; ông H đã nhận đủ đất, đủ tiền bồi thường. Hiện ông H sử dụng đủ đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 55,5m².

Căn cứ tài liệu chứng cứ xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là một phần của thửa đất số 86 có diện tích 129m² của hộ bà Trương Thị T6, ban đầu theo dự án làm đường chỉ thu hồi một phần đất của gia đình bà T6 nhưng sau đó

gia đình bà T6 đề nghị thu hồi toàn bộ để xin hỗ trợ tái định cư. Ngày 03/4/2007, UBND thành phố đã có quyết định số 54/QĐ-UB thu hồi toàn bộ 129m² đất của gia đình bà T6 trong đó quy hoạch xây dựng đường L kéo dài là 83,7m² và 45,3m² đề nghị thu hồi ngoài quy hoạch. Hộ gia đình bà T6 đến nay đã nhận đủ bồi thường, không có khiếu nại gì. Hiện trạng phần đất còn dư lại sau làm đường là phần đất chéo méo có diện tích 35,6m² của Nhà nước trong đó có 16,4m² đất hiện ông H đang xây dựng lán tôn. Như vậy ông H cho rằng phần đất ông đang sử dụng làm lán tôn có nguồn gốc là của gia đình ông sử dụng trước khi thu hồi, sau này Nhà nước thu hồi nhưng không sử dụng đến là không có căn cứ.

Ông H cho rằng gia đình ông đã sử dụng từ năm 2011 đến nay không có tranh chấp với các hộ liền kề, không bị xử phạt vi phạm. Năm 2011 ông có nộp thuế và đo đạc Vlap có tên ông trên bản đồ Vlap 2013 nên căn cứ Điều 100, 101 Luật đất đai 2013, diện tích buộc khắc phục hậu quả 16,4m² đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình ông H là không có cơ sở bởi lẽ đất này là đất bị thu hồi này do Nhà nước quản lý, bản đồ Vlap không phải là một trong các căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất. Việc ông H sử dụng đất từ năm 2012 UBND phường và UBND thành phố đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông H thu dỡ tài sản, bàn giao lại để trả lại cho Nhà nước nhưng hộ gia đình ông H không chấp hành.

Năm 2017 ông H đã có đơn đề nghị nội dung: *“đề nghị được mua 16,5m² là quán tôi đang sử dụng 10 năm nay để đảm bảo cuộc sống cho gia đình”*. UBND thành phố đã có văn bản trả lời về việc không chấp nhận do không đảm bảo mỹ quan đô thị, kích thước chiều rộng, chiều sâu không đảm bảo quy định tại quyết định 07/2014 ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh. Như vậy bản thân ông H cũng thừa nhận thửa đất ông đang sử dụng là của Nhà nước, không phải đất của gia đình ông, phần đất này không được giao cho gia đình ông nên ông không có quyền sử dụng đối với phần đất 16,4m² đất nêu trên.

[6] Về việc UBND thành phố giao đất cho hộ ông T4 bà T5: Pháp luật ưu tiên việc giao đất nhỏ hẹp, không đủ hạn mức tối thiểu cho hộ liền kề thửa đất. Phần đất chéo méo 35,6m² đất nêu trên sau thu hồi của gia đình bà T6 thì có 2 hộ liền kề là hộ ông T4 và hộ ông H đều có quyền ưu tiên mua, tuy nhiên căn cứ hình thể của diện tích đất chéo méo thì việc giao phần đất này cho hộ ông T4 là phù hợp, việc giao đất dựa trên văn bản đồng ý của UBND tỉnh cho phép UBND thành phố giao đất chéo méo có thu tiền, ông T4 có đơn đề nghị và thực hiện các nghĩa vụ tài chính do đó ông H cho rằng việc giao đất là sai là không có căn cứ.

Như vậy diện tích 16,4m² đất hiện đang có công trình lấn tôn của ông H đang sử dụng nằm ngoài diện tích đất 55,5m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H được cấp, không được Nhà nước giao đất cho gia đình ông H sử dụng, việc ông H sử dụng là bất hợp pháp. do đó yêu cầu của ông H về việc công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông đối với 79,8m² đất tại thửa số 129 tờ bản đồ số 42 đồng thời kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệu chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD789933 cấp ngày 09/01/2006) là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khiếu kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[7.1] Xét quyết định số 1846/QĐ-KPHQ ngày 31/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Ngày 02/7/2022 UBND phường T lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông H về hành vi lấn chiếm 16,4m² đất đảm bảo theo điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, ông H không ký biên bản. Ngày 31/5/2023 Phó chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định 1846 buộc thực hiện khắc phục hậu quả đối với ông H trong đó buộc ông H khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước vi phạm và trả lại 16,4m² đất đã lấn chiếm.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định: đảm bảo đúng quy định tại điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương, khoản 2 điều 38, điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính, khoản 2 điều 38 Nghị định 91/2019.

Về nội dung: việc ông H sử dụng đất như phân tích nêu trên là hành vi lấn chiếm đất đai do đó UBND phường T đã lập biên bản vi phạm hành chính và Phó chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định 91.

[7.2] Xét quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3196/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 88/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh T của ông H.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:

Chủ tịch UBND thành phố ký quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 3196/QĐ-UBND đối với ông H là đúng quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố T là

đảm bảo theo quy định giải quyết khiếu nại của Luật khiếu nại năm 2011, Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại và các quy định khác có liên quan.

Chủ tịch UBND tỉnh T đã ký Quyết định số 88/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 21, 36, 37, 38, 39, 40, 41 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính Phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính Phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Về nội dung: Sau khi xem xét đơn khiếu nại của ông H, Chủ tịch UBND thành phố T đã thụ lý, xác minh, lập Biên bản làm việc, Báo cáo kết quả xác minh và tiến hành đối thoại với hộ ông H. Về nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu: Qua xác minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, xác định việc gia đình ông H có hành vi lấn chiếm 16,4m² đất như phân tích nêu trên nên giữ nguyên quyết định 1846 là có căn cứ, đúng quy định.

Quyết định số 88/QĐ-UBND đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3196/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Sỹ H (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố T là hợp pháp, có căn cứ và đúng pháp luật.

[7.3] Xét quyết định giao đất số 14552 ngày 29/12/2016:

Thẩm quyền giao đất: trên cơ sở văn bản chấp thuận của UBND tỉnh T, UBND thành phố đã ban hành quyết định giao đất cho ông T4 bà T5 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 59 Luật đất đai 2013. Trình tự thủ tục giao đất đảm bảo theo quy định tại Điều 60, điều 68 Nghị định 43/2014 và điều 4, điều 7, điều 8 Thông tư 30/2014 về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Xét yêu cầu hủy quyết định giao đất cho ông Đỗ Văn T4 và bà Đỗ Thị T5 đối với diện tích 17,3m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận số DP760540 do UBND thành phố cấp ngày 15/10/2024 cho ông T4 và bà T5 đối với phần diện tích 17,3m² thì thấy: Như đã phân tích nêu trên phần đất chéo méo thuộc quyền quản lý của Nhà nước, Quyết định giao đất cho ông T4 bà T5 có thu tiền sử dụng đất là đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 45/2014; Điều 52, điều 55 Luật Đất đai 2013; dựa trên đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với phần đất 17,3m² đất chính là phần đất có 16,4m² đất ông H đang xây dựng lán tôn trái phép nên Ủy ban thành phố đã cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất này cho ông T4, thủ tục cấp giấy là đảm bảo đúng quy định pháp luật nên UBND thành phố đã cấp giấy chứng nhận đối với phần đất 17,3m² là hợp pháp do đó không có căn cứ hủy quyết định giao đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T4 bà T5 số DP760540 do UBND thành phố cấp ngày 15/10/2024.

Từ những đánh giá và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Sỹ H.

[8] Về án phí: Do ông Vũ Sỹ H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm, UBND tỉnh T, UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 9 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; , Điều 164; Điều 157, Điều 193; Điều 204; Điều 206 và Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào các Điều 52, điều 55, điều 59 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ vào Điều 30 và Điều 32; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Sỹ H về việc:

- Yêu cầu hủy Quyết định 1846/QĐ-KPHQ ngày 31/5/2023 của Chủ tịch UBND thành phố buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Yêu cầu hủy quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Chủ tịch UBND thành phố về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông H.

- Yêu cầu hủy quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của Chủ tịch

UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông H.

- Yêu cầu tuyên hủy quyết định giao đất cho ông Đỗ Văn T4 và bà Đỗ Thị T5 đối với diện tích 17,3m². Hủy giấy chứng nhận số DP760540 do UBND thành phố cấp ngày 15/10/2024 cho ông T4 và bà T5 đối với phần diện tích 17,3m²

- Yêu cầu Công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông với diện tích 79,8m² đất tại thửa số 129 tờ bản đồ số 42, đồng thời kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệu chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD789933 cấp ngày 09/01/2006);

2. Án phí: Ông Vũ Sỹ H được miễn án phí hành sơ thẩm. Trả lại ông Vũ Sỹ Hợp S tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000355 ngày 13/11/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/6/2025; Người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- UBND tỉnh Thái Bình;
- UBND thành phố Thái Bình;
- Người khởi kiện;
- NQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Ngô Thế Tương